

Bản án số 651/2020/HCPT

Ngày: 21-10-2020.

V/v Khiếu kiện quyết định hành
chính trong lĩnh vực quản lý
đất đai.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thụy Vũ

Các Thẩm phán:

Ông Trần Văn Mười

Bà Phạm Thị Duyên

- Thư ký phiên tòa: bà Hoàng Thị Kim Nhi.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh:
ông Vũ Thanh Sơn - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 21 tháng 10 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 366/2020/TLPT-HC ngày 06 tháng 7 năm 2020 về “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”.

Do bản án hành chính sơ thẩm số 29/2020/HC-ST ngày 12 tháng 6 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 2330/2020/QĐPT-HC ngày 18 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Người khởi kiện:* Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1954. Địa chỉ: Số 4/59 khu phố Hòa Lân 1, phường TG, thị xã TA, tỉnh BD. (Vắng mặt, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phan Thanh B, sinh năm 1988. Địa chỉ: Số 4/59 khu phố Hòa Lân 1, phường TG, thị xã TA, tỉnh BD (theo văn bản ủy quyền ngày 03/4/2019). (Vắng mặt).

- *Người bị kiện:* Chủ tịch UBND thị xã TA (nay là thành phố TA). (Vắng mặt, có văn bản đề nghị giải quyết vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ UBND phường TG, thị xã TA, tỉnh BD. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn Phong – Công chức Địa chính xây dựng phường TG. (Vắng mặt).

+ Bà Đỗ Thị Kim X sinh năm 1961, ông Nguyễn Thanh Ng sinh năm 1957. Địa chỉ: Số 4/41 khu phố Hòa Tân 1, phường TG, thị xã TA, tỉnh BD. (Có mặt).

+ Ông Phan Văn Ch, sinh năm 1945. Địa chỉ: Số 4/59 khu phố Hòa Tân 1, phường TG, thị xã TA, tỉnh BD. (Vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền : Bà Phan Thị Bạch T, địa chỉ: Số 4/59 khu phố Hòa Tân 1, phường TG, thị xã TA, tỉnh BD là người đại diện theo văn bản ủy quyền ngày 24/10/2019. (Có mặt).

+ Ông Phan Văn Thắng, sinh năm 1977. Địa chỉ: Số 4/59 khu phố Hòa Tân 1, phường TG, thị xã TA, tỉnh BD. (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

- *Người làm chứng:*

+ Ông Trần Văn Đ – Phó ban điều hành khu phố Hòa Tân 1, phường TG, thị xã TA, tỉnh BD. (Vắng mặt).

+ Bà Phan Thị D; địa chỉ: Số 4/43 khu phố Hòa Tân 1, phường TG, thị xã TA, tỉnh BD. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện đề ngày 12/11/2018 (Tòa án nhận được ngày 16/11/2018) và các bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án, người khởi kiện bà Nguyễn Thị B và người đại diện theo ủy quyền ông Phan Thanh B trình bày:

Ngày 24/9/2018, Chủ tịch Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) thị xã TA ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 6023/QĐ-XPVPHC với nội dung xử phạt hành vi vi phạm hành chính của bà Nguyễn Thị B về việc tổ chức làm hàng rào gây cản trở việc sử dụng đất của người khác quy định tại khoản 2 Điều 11 Nghị định số 102/2014/NĐ-CP ngày 10/11/2014 của Chính phủ, cụ thể là hành vi tổ chức thi công hàng rào bằng trụ bê tông (12 trụ) trên phần đường nội bộ 03m được thể hiện trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (sau đây viết tắt là GCNQSDĐ) số H00798/TG do UBND huyện Thuận An cấp cho ông Phan Văn Ch, bà Nguyễn Thị B ngày 09/02/2007 với mức xử phạt tiền là 17.500.000 đồng và buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm. Ngày 06/10/2018 bà B nhìn thấy Quyết định số 6023/QĐ-XPVPHC ngày 24/9/2018 được dán sau nhà của con bà B.

Bà B nhận thấy Quyết định số 6023/QĐ-XPVPHC ngày 24/9/2018 xâm phạm quyền lợi hợp pháp của bà B bởi các lý do sau:

Thửa đất số 68 tờ bản đồ số 12(B1) tọa lạc tại khu phố Hòa Tân 1, phường TG, thị xã TA, tỉnh BD do bà Đỗ Thị Kim X và ông Nguyễn Thanh Ng đang sử dụng trước đây không có đường đi vào đất. Theo biên bản hòa giải tranh chấp đất đai ngày 08/5/2001 trong thân tộc là ông Phan Văn Ch, Phan Văn Tiến, Phan Văn Đón, bà Phan Thị Căn và Phan Thị Rõ thống nhất nội dung: Ông Phan Văn Ch để lại chiều ngang 2m cấp theo ranh đất của bà Căn để vào nhà anh Tiến (cháu bà

Căn) và thân tộc đồng ý để cho ông Ch làm thủ tục hợp thức hóa quyền sử dụng đất sau khi trừ đi 2m đường đi. Nội dung thỏa thuận này đã được tổ hòa giải ghi nhận, được đóng dấu của UBND xã (nay là phường) Thuận Giao. Như vậy, đường đi được hình thành từ năm 2001 với chiều rộng 2m cấp theo ranh đất bà D tính từ giữa cây lồng mứt kéo ngang ra (ranh đất của bà D được xác định bằng Quyết định số 184/QĐ.CT ngày 26/02/1999 của UBND huyện Thuận An, Bản án hành chính số 12/STHC ngày 24/6/1999 của Tòa án nhân dân huyện Thuận An về việc giữ nguyên Quyết định số 184). Như vậy, bà Xuyến và ông Ngọc chỉ được đi trong phạm vi 02m đã được UBND xã Thuận Giao công nhận và thực tế bà Xuyến, ông Ngọc chỉ sử dụng 2m để vào đất sản xuất nông nghiệp.

Chủ tịch UBND thị xã TA cho rằng bà B làm hàng rào gây cản trở cho việc sử dụng đất của ông Ngọc, bà Xuyến là không đúng vì con bà B là ông Phan Văn Th thi công hàng rào có chừa đường đi 2m theo như biên bản thỏa thuận ngày 08/5/2001 không gây cản trở cho ông Ngọc, bà Xuyến. Hiện tại ông Ngọc, bà Xuyến đang kinh doanh nhà trọ vẫn hoạt động và ra vào bình thường sau khi bà B xây dựng hàng rào lưới B40.

Chủ tịch UBND thị xã TA cho rằng bà B thi công hàng rào trên phần đường nội bộ 3m được thể hiện trên GCNQSDĐ số H00798/TG ngày 09/02/2007 do UBND huyện Thuận An cấp cho bà B, ông Ch là không đúng vì theo GCNQSDĐ số H00798/TG ngày 09/02/2007 không thể hiện kích thước chiều ngang có độ dài 3m như trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính. Từ khi có thỏa thuận về đường đi chiều ngang 2m vào ngày 08/5/2001 cho đến nay thì phía gia đình bà B không có thỏa thuận nào đồng ý cho phía ông Ngọc, bà Xuyến sử dụng đường đi có chiều ngang 3m.

Chủ tịch UBND thị xã TA cho rằng bà B thi công hàng rào là không đúng vì năm 2017 bà B có cho con là Phan Văn Th thừa đất số 67 tờ bản đồ 12(B1) để cất nhà và sản xuất nông nghiệp, đến tháng 3/2018 thì xây nhà để ở và tháng 8/2018 làm hàng rào để phục vụ cho việc sản xuất nông nghiệp được an toàn. Biên bản hòa giải ngày 11/5/2018 tại UBND phường TG, đơn khởi kiện của bà Xuyến, ông Ngọc thì bà B không được nêu tên trong hai văn bản này nên bà B không phải là người tổ chức thi công hàng rào.

Chủ tịch UBND thị xã TA đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong khi sự việc đang được hòa giải tại UBND phường TG giữa nguyên đơn bà Xuyến, ông Ngọc với bị đơn là ông Ch và nguyên đơn bà Xuyến đang khởi kiện ra Tòa án yêu cầu giải quyết vụ án bằng con đường dân sự là trái thẩm quyền.

Ngày 12/8/2018 con bà B đã xây dựng hàng rào nhưng đến ngày 18/9/2018 công chức địa chính xây dựng phường TG lập biên bản vi phạm hành chính và Chủ tịch UBND thị xã TA ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 6023/QĐ-XPVPHC ngày 24/9/2018 là vi phạm nguyên tắc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 1 Điều 203 Luật Đất đai 2013. Đây là con đường đi có chiều ngang 2m do duy nhất gia đình ông Ngọc, bà Xuyến sử dụng. Nếu gia đình bà B có làm hàng rào lấn đường đi thì ông Ngọc, bà Xuyến chỉ được

quyền yêu cầu Tổ hòa giải phường TG giải quyết, trường hợp hòa giải không thành thì yêu cầu Tòa án giải quyết. Về trình tự thủ tục, khi lập biên bản vi phạm hành chính không có mặt bà B, biên bản vi phạm hành chính cũng không được gửi cho bà B là không đảm bảo đúng trình tự thủ tục, bà B không được quyền giải trình là vi phạm Điều 61 Luật Xử lý vi phạm hành chính.

Vì vậy, bà B khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 6023/QĐ-XPVPHC ngày 24/9/2018 của Chủ tịch UBND thị xã TA. Quá trình giải quyết vụ án, bà B yêu cầu triệu tập người làm chứng là bà Phan Thị D, ông Trần Văn Đ tham gia tố tụng, đồng thời yêu cầu thu thập bổ sung hồ sơ UBND phường TG đề nghị Chủ tịch UBND thị xã TA cung cấp hồ sơ đề nghị xử phạt. Người khởi kiện bà Nguyễn Thị B và người đại diện hợp pháp ông Phan Thanh B có văn bản đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

** Tại văn bản số 439/UBND-NC ngày 22/02/2019; văn bản số 1356/UBND-NC ngày 09/5/2019 và Công văn số 2845/UBND-NC ngày 03/9/2019 của Chủ tịch UBND thị xã TA về việc cung cấp nội dung liên quan đến khiếu nại của bà Nguyễn Thị B, người bị kiện Chủ tịch UBND thị xã TA trình bày:*

Ông Phan Văn Ch, bà Nguyễn Thị B là chủ sử dụng khu đất thuộc thửa số 67 tờ bản đồ số B1(DC12) tọa lạc tại khu phố Hòa Lân, phường TG, thị xã TA cạnh hướng đông nam giáp với đường đất. Năm 2005, ông Ch, bà B lập thủ tục xin cấp GCNQSDĐ và được UBND huyện (nay là thị xã TA) cấp GCNQSDĐ số H00377/TG ngày 02/12/2005; cạnh hướng đông nam thể hiện đường đất nhưng không thể hiện kích thước con đường, tuy nhiên do kích thước giữa hai nét đường trên GCNQSDĐ và quy đổi theo tỷ lệ thì nhận thấy con đường có kích thước là 3m.

Theo hồ sơ cấp GCNQSDĐ do Chi nhánh Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất cung cấp trong biên bản xác định ranh giới, mốc giới thửa đất (theo hiện trạng sử dụng) cạnh hướng đông nam thửa đất thể hiện đường nội bộ 3m, có sự cam đoan chỉ ranh giới tứ cận là đúng của ông Phan Văn Ch.

Năm 2007, ông Phan Văn Ch và bà Nguyễn Thị B lập thủ tục đăng ký biến động về quyền sử dụng đất, xin cấp lại GCNQSDĐ riêng thửa số 67 tờ bản đồ B1(DC12). Theo hồ sơ cấp giấy thể hiện trích lục bản vẽ đúng kích thước và hình thể theo GCNQSDĐ số H0037/TG ngày 02/12/2005. Do đó, đường đất hướng đông nam thửa đất có độ rộng 3m.

Theo GCNQSDĐ số HC00088/TG ngày 19/4/2010 do UBND huyện (nay là thị xã) Thuận An cấp cho bà Đỗ Thị Kim X và ông Nguyễn Thanh Ng thì khu đất thuộc thửa số 68 tờ bản đồ B1 (DC12) tiếp giáp thửa số 67 bản đồ B1 (DC12) thể hiện con đường đất là 3m (con đường hướng đông nam) thửa đất số 67 tờ bản đồ B1 (DC12).

Do đó, việc Chủ tịch UBND thị xã TA ban hành Quyết định số 6023/QĐ-XPVPHC ngày 24/9/2018 đối với bà Nguyễn Thị B xác định đường nội bộ 3m là đúng.

Theo hiện trạng thực tế đường đất có độ rộng là 3m, do đó việc bà B làm hàng rào bằng trụ bê tông (12 trụ) trên phần đường nội bộ 3m được thể hiện trên GCNQSDĐ số H00798/QSDĐ/TG ngày 09/02/2007 do UBND huyện (nay là thị xã) Thuận An cấp cho ông Phan Văn Ch, bà Nguyễn Thị B đã gây cản trở cho việc sử dụng 1m đường đi của bà Đỗ Thị Kim X và ông Nguyễn Thanh Ng.

Theo đơn bà B cho rằng: Năm 2017 bà B có cho con là Phan Văn Th thừa đất số 67 tờ bản đồ B1 (DC12) để xây dựng nhà ở và sản xuất đất nông nghiệp. Đến tháng 3/2018 ông Thắng xây dựng nhà cấp 4 để ở và ngày 12/8/2018 xây dựng hàng rào lưới B40 để phục vụ sản xuất nông nghiệp nên việc xây dựng hàng rào là do ông Thắng xây dựng. Tuy nhiên, qua rà soát bà Nguyễn Thị B không lập thủ tục tặng cho thừa đất nêu trên cho ông Phan Văn Thắng, ông Ch, bà B vẫn là chủ sử dụng khu đất thuộc thửa đất số 67 tờ bản đồ B1 (DC12) theo GCNQSDĐ số H00798/TG ngày 09/02/2007 do UBND huyện Thuận An cấp cho ông Ch, bà B. Do đó, việc UBND thị xã TA nhận định bà B là người tổ chức thi công hàng rào là đúng.

Căn cứ khoản 1 Điều 58 Luật Xử lý vi phạm hành chính “*khi phát hiện vi phạm hành chính thuộc lĩnh vực quản lý của mình, người có thẩm quyền đang thi hành công vụ phải kịp thời lập biên bản, trừ trường hợp xử phạt không lập biên bản theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật này*”. Do đó, việc UBND phường TG phát hiện bà Nguyễn Thị B có hành vi vi phạm hành chính, lập biên bản và trình Chủ tịch UBND thị xã TA ban hành quyết định xử lý vi phạm hành chính là đúng quy định của pháp luật.

Theo khoản 2 Điều 58 Luật Xử lý vi phạm hành chính: “Biên bản vi phạm hành chính phải ghi rõ ngày, tháng, năm, địa điểm lập biên bản; họ, tên, chức vụ người lập biên bản; họ, tên, địa chỉ, nghề nghiệp của người vi phạm hoặc tên, địa chỉ của tổ chức vi phạm; giờ, ngày, tháng, năm, địa điểm xảy ra vi phạm; hành vi vi phạm; biện pháp ngăn chặn vi phạm hành chính và bảo đảm việc xử lý; tình trạng tang vật, phương tiện bị tạm giữ; lời khai của người vi phạm hoặc đại diện tổ chức vi phạm; nếu có người chứng kiến, người bị thiệt hại hoặc đại diện tổ chức bị thiệt hại thì phải ghi rõ họ, tên, địa chỉ, lời khai của họ; quyền và thời hạn giải trình về vi phạm hành chính của người vi phạm hoặc đại diện của tổ chức vi phạm; cơ quan tiếp nhận giải trình. Trường hợp người vi phạm, đại diện tổ chức vi phạm không có mặt tại nơi vi phạm hoặc cố tình trốn tránh hoặc vì lý do khách quan mà không ký vào biên bản thì biên bản phải có chữ ký của đại diện chính quyền cơ sở nơi xảy ra vi phạm hoặc của hai người chứng kiến”. Theo biên bản vi phạm hành chính ngày 18/9/2018 có đầy đủ chữ ký của hai người làm chứng là ông Trần Văn Đ và bà Phan Thị D. Do đó, việc UBND phường TG lập biên bản vi phạm hành chính ngày 18/9/2018 là đúng trình tự, thủ tục quy định.

Chủ tịch UBND thị xã TA giữ nguyên Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 6023/QĐ-VPVPHC ngày 24/9/2018. Chủ tịch UBND thị xã TA cung cấp các tài liệu, chứng cứ sau: Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 6023/QĐ-XPVPHC ngày 24/9/2018, Tờ trình số 574/TTr-UBND ngày 21/9/2018 của UBND phường TG về việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai,

Biên bản vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai số 34/BB-VPHC ngày 18/9/2018 của UBND phường TG, Biên bản kiểm tra hiện trạng ngày 18/9/2018 của UBND phường TG, mảnh trích lục địa chính có đo đạc chỉnh lý ngày 12/9/2018 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã TA. Chủ tịch UBND thị xã TA đề nghị giải quyết vắng mặt người bị kiện trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

*Tại biên bản làm việc ngày 24/01/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đỗ Thị Kim X và ông Nguyễn Thanh Ng trình bày:

Bà Xuyên, ông Ngọc được cấp GCNQSDĐ số CH00088/TG ngày 19/4/2010 diện tích 1.442m² thửa số 68 tờ bản đồ số 123(B1), có thể hiện con đường đi vào đất chiều rộng 03 m. Ngày 29/3/2018, Bà Xuyên, ông Ngọc có làm con đường bằng xi măng chiều ngang 1.8m, chiều dài 11m kéo dài vào đất của bà Xuyên, ông Ngọc để thuận tiện cho việc đi lại nhưng gia đình ông Ch, bà B phá bỏ không cho làm. Đến ngày 12/8/2018 gia đình bà B tự ý dựng 12 cọc rào, kéo rào lưới B40 lấn chiếm con đường nội bộ chiều rộng 3m đi vào đất của bà Xuyên, ông Ngọc khiến cho việc đi lại khó khăn, xe ba gác cũng không thể đi vào con đường. Trước đây xe ô tô, xe tải đều đi lại bình thường. Bà Xuyên, ông Ngọc báo chính quyền địa phương nên UBND phường TG và cán bộ Phòng Tài nguyên và Môi trường lập biên bản, sau đó Chủ tịch UBND thị xã TA ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 6023/QĐ-XPVPHC ngày 24/9/2018 đối với bà B nhưng cho đến nay bà B vẫn chưa thực hiện tháo dỡ 12 trụ rào nêu trên. Trước đó, ngày 13/8/2018 bà Xuyên, ông Ngọc có làm đơn khởi kiện bà B tranh chấp lối đi chung đến TAND thị xã TA. Sau đó, TAND thị xã TA yêu cầu sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện theo Thông báo số 99/TB-TA ngày 17/9/2018 của TAND thị xã TA nhưng khi bà Xuyên, ông Ngọc chưa sửa đổi, bổ sung thì UBND thị xã TA xuống giải quyết về mặt hành chính nên bà Xuyên, ông Ngọc không sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện nữa. Ngoài ra, bà Xuyên, ông Ngọc không khởi kiện bà B, ông Ch vụ án nào khác. Bà Xuyên, ông Ngọc đề nghị giữ nguyên Quyết định số 6023/QĐ-XPVPHC ngày 24/9/2018 của Chủ tịch UBND thị xã TA, buộc bà B tháo dỡ các trụ rào và lưới B40 đã xây dựng để trả lại nguyên hiện trạng con đường rộng 03 m cho bà Xuyên, ông Ngọc đi lại cho thuận tiện.

* Tại biên bản làm việc ngày 17/5/2019, Công văn số 122/BC-UBND ngày 25/9/2019 (bút lục 306) người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan UBND phường TG trình bày:

Ngày 12/9/2018 UBND phường TG nhận được phản ánh của bà Đỗ Thị Kim X về việc gia đình bà B chôn trụ bê tông và rào lưới B40 cản trở lối đi chung. UBND phường đã tổ chức làm việc tại thực địa thửa đất 67, 68 tờ bản đồ B1 thuộc khu phố Hòa Lân 1, phường TG. Tại thời điểm làm việc với bà Đỗ Thị Kim X thì UBND phường ghi nhận trên phần đường nội bộ đã được chôn 12 trụ bê tông và rào lưới B40.

Ngày 18/9/2018 UBND phường có mời bà B đến thửa đất số 67, 68 tờ bản đồ B1 để làm việc về việc dựng 12 trụ bê tông và rào lưới B40 nhưng bà B không đến địa điểm được mời nên UBND phường phối hợp Phòng Tài nguyên và Môi trường, Đội Trật tự xây dựng thị xã TA và khu phố Hòa Lân 1 đã tiến hành lập biên bản kiểm tra hiện trạng và lập biên bản vi phạm hành chính đối với bà Nguyễn Thị B về việc tổ chức thi công hàng rào bằng trụ bê tông (12 trụ) trên phần đường nội bộ 3m được thể hiện trên GCNQSDĐ số H00798/TG ngày 09/02/2007 do UBND huyện Thuận An cấp cho ông Ch, bà B và GCNQSDĐ số CH00088/TG ngày 19/4/2010 do UBND huyện Thuận An cấp cho ông Ngọc, bà Xuyên.

Sau khi lập biên bản vi phạm hành chính thì ngày 20/9/2018 UBND phường có tổ chức bàn giao biên bản vi phạm hành chính cho bà Nguyễn Thị B nhưng bà B không nhận biên bản vi phạm hành chính. UBND phường có phối hợp khu phố Hòa Lân 1 tổ chức niêm yết tại nhà bà B (số 4/59 khu phố Hòa Lân 1, phường TG, thị xã TA, tỉnh BD). Đồng thời trình UBND thị xã TA ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai với bà Nguyễn Thị B.

Ngày 05/10/2018 UBND phường phối hợp khu phố Hòa Lân 1 tiến hành bàn giao Quyết định số 6023/QĐ-XPVPHC ngày 24/9/2018 của Chủ tịch UBND thị xã TA nhưng bà B không đồng ý nhận quyết định. UBND phường đã tổ chức niêm yết tại nhà bà B.

Ngày 02/11/2018 UBND phường phối hợp tổ chức kiểm tra việc thực hiện Quyết định số 6023/QĐ-XPVPHC ngày 24/9/2018, qua kiểm tra bà Nguyễn Thị B chưa thực hiện tháo dỡ 12 trụ bê tông và lưới B40, về hình thức xử phạt chính bà B chưa thực hiện do đang khởi kiện Quyết định số 6023/QĐ-XPVPHC ngày 24/9/2018. Ngày 12/11/2018 UBND phường đã báo cáo kết quả thực hiện kiểm tra xử lý việc bà Nguyễn Thị B cho UBND thị xã TA.

Thời điểm năm 2001 sau khi hòa giải tại biên bản hòa giải ngày 08/5/2001, Ủy ban nhân dân xã Thuận Giao có tiến hành việc đo đạc để cắm mốc cho ông Ch nhiều lần nhưng quá trình thực hiện các bên không thống nhất được và tranh chấp kéo dài. Đến năm 2003 ông Ch làm thủ tục cấp GCNQSDĐ thì tại biên bản xác định ranh giới, mốc giới thửa đất ngày 20/7/2003 trong sơ họa mốc giới thửa đất có xác định con đường nội bộ 3m, biên bản có chữ ký của ông Phan Văn Ch, các chủ sử dụng đất liên ranh và cán bộ đo đạc của Phòng Tài nguyên và Môi trường phối hợp Cán bộ địa chính xã ký tên. Việc đo đạc xác định phạm vi đất bà B sử dụng và phạm vi con đường do cán bộ Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai và cán bộ Phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã TA thực hiện có kết hợp với cán bộ địa chính của phường TG, được thể hiện tại mảnh trích lục địa chính ngày 12/9/2018. Chủ thể được cấp quyền sử dụng đất là bà B nên UBND phường TG xác định người vi phạm là bà Nguyễn Thị B.

Đối với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị B, UBND phường TG thống nhất giữ nguyên Quyết định số 6023/QĐ-XPVPHC ngày 24/9/2018 của Chủ tịch UBND thị xã TA, đề nghị Tòa án bác yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị B.

*Tại bản tự khai ngày 12/5/2019 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phan Văn Ch và người đại diện hợp pháp bà Phan Thị Bạch T trình bày:

Ông Ch là chồng bà B. Trước đây không có con đường đi vào đất. Biên bản hòa giải ngày 08/5/2001 ông Ch đồng ý mở con đường có chiều ngang 2m cấp theo ranh đất bà D đi vào đất ông Ngọc, bà Xuyên, ngoài ra không còn bất kỳ thỏa thuận nào đồng ý cho ông Ngọc, bà Xuyên sử dụng đường đi vào đất có chiều ngang 3m. Năm 2017, ông Ch có cho con là Phan Văn Th thừa đất số 67 và ông Thắng tiến hành xây dựng nhà cấp 4 để ở và làm hàng rào lưới B40 để phục vụ sản xuất nông nghiệp. Chủ tịch UBND thị xã TA xử phạt bà B là không đúng chủ thể thực hiện hành vi, việc sử dụng đất của những người xung quanh con đường vẫn diễn ra bình thường mà không cản trở ai khác. Chữ ký và chữ viết “Phan Văn Ch” tại biên bản xác định ranh giới, mốc giới thừa đất ngày 20/7/2003 (bút lục số 128) là của ông Ch. Ông Ch đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị B, hủy Quyết định số 6023/QĐ-XPVPHC ngày 24/9/2018.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phan Văn Th (con ruột bà Nguyễn Thị B, ông Phan Văn Ch) đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cũng đã triệu tập ông Thắng đến Tòa án lấy lời khai, làm việc, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và đối thoại, tham gia phiên tòa tuy nhiên, ông Thắng vắng mặt không lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

* Người làm chứng ông Trần Văn Đ đã được Tòa án triệu tập để lấy lời khai, làm việc và tham gia phiên tòa nhưng ông Đ vắng mặt và có văn bản trình bày ý kiến với nội dung:

Thời điểm UBND phường TG xuống lập biên bản vi phạm hành chính đối với bà B do bà B không ký tên vào biên bản nên với tư cách là đại diện khu phố và có chứng kiến sự việc - ông Đ đã ký tên vào biên bản. Ông Đ đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt ông.

* Người làm chứng bà Phan Thị D trình bày:

Bà D có chứng kiến việc gia đình bà B xây dựng hàng rào 12 trụ bê tông lưới B40; UBND phường TG lập biên bản vi phạm hành chính và do bà B không ký vào biên bản (do bà B bỏ về trước) nên bà D có ký tên chứng kiến vào biên bản nhưng chính xác vào ngày nào thì bà D không nhớ vì thời gian đã lâu.

Tại bản án hành chính sơ thẩm số 29/2020/HC-ST ngày 12 tháng 6 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương đã:

Áp dụng:

- Khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 116, các Điều 125, 130, 158, 164, 191, điểm a, khoản 2 Điều 193, các Điều: 194, 204, 206, 345, 348 của Luật Tố tụng hành chính;

- Khoản 6 Điều 7, khoản 4 Điều 12, khoản 3 Điều 23, Điều 208 của Luật Đất đai năm 2013;

- Điểm a khoản 1 Điều 6, khoản 4 Điều 23, Điều 28, Điều 29, Điều 59, khoản 1 Điều 66, Điều 68 của Luật Xử lý vi phạm hành chính; khoản 2, điểm b khoản 3 Điều 11 Nghị định số 102/2014/NĐ-CP ngày 10/11/2014 của Chính phủ “Về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai”;

- Khoản 1 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Bác yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị B đối với Chủ tịch Ủy ban nhân thị xã TA, tỉnh Bình Dương về yêu cầu hủy Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 6023/QĐ-XPVPHC ngày 24/9/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã TA.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 09/11/2019 người khởi kiện Nguyễn Thị B và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Phan Văn Ch kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Ngày 22/11/2019 người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Phan Văn Th kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa, người kháng cáo Nguyễn Thị B và ông Phan Văn Th vắng mặt. Bà B và ông Thắng đều có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

Đại diện người bị kiện vắng mặt, có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt.

Đại diện theo ủy quyền của ông Phan Văn Ch là bà Phan Thị Bạch T trình bày giữ nguyên kháng cáo yêu cầu hủy Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 6023/QĐ-XPVPHC ngày 24/9/2018 đối với bà Nguyễn Thị B do bà B không phải là người xây dựng các cọc trụ và hàng rào lưới B40 vì ông Ch và bà B đã cho ông Phan Văn Th thửa đất số 67 và ông Thắng đã xây các cọc trụ từ năm 2017 nên xử phạt bà vi phạm là không đúng đối tượng; Ủy ban nhân dân thị xã TA đã vi phạm về thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính do đây là quan hệ dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của tòa án, quá trình lập biên bản vi phạm và giao các biên bản, quyết định xử phạt có vi phạm về mặt thời gian do Ủy ban nhân dân phường TG đã tạo các chứng cứ giả về các biên bản làm việc; án sơ thẩm không triệu tập những người có liên quan đến việc xây dựng, sử dụng lối đi có xây cột trụ là Phan Văn Tiêng và bà Thảo (vợ ông Thắng) là vi phạm tố tụng.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Đỗ Kim Xuyên và Nguyễn Thanh Ng đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm do Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 6023/QĐ-CCXP ngày 12/11/2018 đã ban hành là đúng quy định.

Ý kiến của Đại diện Viện Kiểm sát phát biểu:

Việc chấp hành thủ tục tố tụng trong giai đoạn xét xử sơ thẩm và phúc thẩm của Hội đồng xét xử, chủ tọa phiên tòa và thư ký phiên tòa đúng quy định của Luật Tố tụng hành chính. Về nội dung vụ án: căn cứ vào đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị B

cùng các tài liệu chứng cứ đã thu thập được thể hiện quá trình xử lý vi phạm và ban hành Quyết định 6023/QĐ-XPVPHC ngày 24/9/2019 của Chủ tịch UBND thị xã TA đối với bà Nguyễn Thị B đã được thực hiện đúng quy định của pháp luật về thẩm quyền, thủ tục và trình tự ban hành quyết định xử phạt, còn trong thời hạn xử lý vi phạm hành chính; đảm bảo đúng về nội dung và hình thức ban hành quyết định. Án sơ thẩm đã tuyên xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện hủy quyết định xử phạt vi phạm hành chính của bà B là có căn cứ. Các đương sự kháng cáo yêu cầu chấp nhận nội dung khởi kiện của bà B nhưng không xuất trình tài liệu, chứng cứ nào mới so với giai đoạn xét xử sơ thẩm nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính, không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét, thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục:

Quá trình tố tụng tại cấp sơ thẩm đã được tiến hành đúng quy định. Những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình, các chứng cứ được thu thập đã đủ cơ sở để giải quyết toàn bộ các vấn đề của vụ án.

Theo đơn khởi kiện và các chứng cứ đã thu thập xác định đây là vụ án “*Khiếu kiện quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”, người bị kiện là Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã TA, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương và còn trong thời hiệu khởi kiện vụ án hành chính theo quy định tại khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 116 của Luật Tố tụng hành chính.

Về sự có mặt của những người tham gia tố tụng: Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng tại phiên tòa chỉ có mặt đại diện theo ủy quyền của ông Phan Văn Ch và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Đỗ Thị Kim X và Nguyễn Thanh Ng, các đương sự còn lại vắng mặt và người kháng cáo Nguyễn Thị B và Phan Văn Th có yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 225 Luật Tố tụng hành chính xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Theo đơn khởi kiện ngày 12/11/2018, bà Nguyễn Thị B yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương hủy Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 6023/QĐ-CCXP ngày 24/9/2018 của Chủ tịch UBND thị xã TA, tỉnh Bình Dương về việc bà tổ chức xây hàng rào bằng các cột trụ bê tông gây cản trở việc sử dụng đất của người khác (trên phần đường nội bộ 03m thể hiện trên GCNQSDĐ của ông Phan Văn Ch, bà Nguyễn Thị B) và buộc khôi phục lại tình

trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm. Đối chiếu các tài liệu chứng cứ thu thập trong hồ sơ và kết quả tranh tụng thấy rằng:

Vào ngày 18/9/2018 UBND phường TG lập biên bản kiểm tra hiện trạng phần đất thuộc thửa số 67, 68 tờ bản đồ B1, tọa lạc tại khu phố Hòa Lân 1, phường TG, thị xã TA và lập Biên bản vi phạm hành chính số 34/BB-VPHC ngày 18/9/2018 đối với bà Nguyễn Thị B với hành vi: Tổ chức thi công hàng rào bằng trụ bê tông (12 trụ) trên phần đường nội bộ 3m được thể hiện trên GCNQSDĐ số H00798/TG do UBND huyện Thuận An cấp ngày 09/02/2007 biến động ngày 10/4/2015 diện tích 4.103m² (200m² ODT) cho ông Phan Văn Ch, bà Nguyễn Thị B và GCNQSDĐ số vào sổ CH00088/TG do UBND huyện Thuận An cấp ngày 19/4/2010 biến động ngày 28/3/2016 diện tích 1.442m² (300m² ODT) cho bà Đỗ Thị Kim X, ông Nguyễn Thanh Ng. Ngày 21/9/2018, UBND phường TG có Tờ trình số 574/TTr-UBND trình UBND thị xã TA ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với bà Nguyễn Thị B vi phạm khoản 4 Điều 23 Luật Xử lý vi phạm hành chính với mức xử phạt trung bình là 17.500.000 đồng và biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc khôi phục lại tình trạng đất trước khi vi phạm tại điểm b khoản 3 Điều 11 Nghị định số 102/2014/NĐ-CP ngày 10/11/2014 của Chính phủ.

Ngày 24/9/2018, Chủ tịch UBND thị xã TA ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 6023/QĐ-XPVPHC đối với bà Nguyễn Thị B vì có hành vi xây hàng rào bằng các cột trụ bê tông gây cản trở cho việc sử dụng đất của người khác theo quy định tại khoản 2 Điều 11 Nghị định số 102/2014/NĐ-CP ngày 10/11/2014 của Chính phủ, hình thức xử phạt chính là phạt tiền 17.500.000 đồng và biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc khôi phục lại tình trạng của đất trước khi vi phạm theo điểm b khoản 3 Điều 11 Nghị định số 102/2014/NĐ-CP ngày 10/11/2014 của Chính phủ.

Xét tính hợp pháp, tính có căn cứ về hình thức, thẩm quyền, trình tự thủ tục ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 6023/QĐ-XPVPHC ngày 24/9/2018 của Chủ tịch UBND thị xã TA, nhận thấy: theo quy định tại khoản 3 Điều 23, Điều 208 Luật Đất đai về thẩm quyền, trách nhiệm của Chủ tịch UBND các cấp trong việc phát hiện, ngăn chặn và xử lý vi phạm pháp luật về quản lý và sử dụng đất đai và quy định tại khoản 2 Điều 11, điểm b, đ khoản 2 Điều 31 Nghị định số 102/2014/NĐ-CP ngày 10/11/2014 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai thì việc ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai thuộc Chủ tịch UBND huyện, về hình thức xử lý áp dụng hình phạt tiền với mức 17.500.000 đồng và áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả: Khôi phục lại tình trạng của đất trước khi vi phạm là thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện nên Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã TA ký ban hành Quyết định số 6023/QĐ-XPVPHC ngày 24/9/2018 về việc “*xử phạt vi phạm hành chính*” đối với bà Nguyễn Thị B là đúng trình tự, thẩm quyền xử phạt, còn trong thời hạn xử lý vi phạm hành chính theo quy định tại Điều 6, khoản 2 Điều 38, Điều 66, Điều 68 Luật Xử lý vi phạm hành chính.

Xét nội dung của Quyết định số 6023/QĐ-XPVPHC ngày 24/9/2018 của Chủ tịch UBND thị xã TA, nhận thấy:

Nguồn gốc đất của ông Ch, bà B do thân tộc để lại, theo biên bản hòa giải ngày 08/5/2001 lập tại UBND xã Thuận Giao (nay là phường TG) giữa ông Phan Văn Ch và đại diện thân tộc có ông Phạm Văn Tiến, ông Phan Văn Đón, bà Phan Thị Căn, bà Phan Thị Rõ hòa giải và thống nhất nội dung ông Phan Văn Ch chấp nhận để lại chiều ngang 2m thửa đất số 67 tờ bản đồ B1 cập theo ranh đất bà Căn đi vào nhà ông Phạm Văn Tiến - cháu bà Căn. Phía đại diện ủy ban thống nhất ý kiến của ông Ch và thân tộc, sẽ tiến hành đo đạc cụ thể diện tích thửa 67 sau khi trừ 2m chiều ngang để lập thủ tục cấp quyền sử dụng đất cho ông Phan Văn Ch. Năm 2003 ông Phan Văn Ch lập thủ tục đo đạc để được cấp GCNQSDĐ. Theo Biên bản xác định ranh giới, mốc giới thửa đất có thể hiện con đường nội bộ 3m kéo dài từ đường đất 4m cập theo đất ông Ch và ông Phạm Văn Tiến đi vào đất phía bên trong. Biên bản này có chữ ký xác nhận của chủ sử dụng đất là ông Phan Văn Ch, các chủ sử dụng đất tiếp giáp ranh, cán bộ đo đạc, cán bộ địa chính và xác nhận, đóng dấu của Chủ tịch UBND xã Thuận Giao.

Đến ngày 25/8/2005 ông Ch cùng bà B làm đơn xin cấp GCNQSDĐ, nội dung đơn kê khai các giấy tờ kèm theo có biên bản đo đạc, cắm mốc ranh giới. Ngày 02/12/2005 ông Ch, bà B được cấp GCNQSDĐ số H00377/TG đối với thửa đất số 113 tờ bản đồ số A1 diện tích 3.022m² và thửa số 67 tờ bản đồ B1 diện tích 4.103m².

Thửa đất số 67 có thể hiện con đường nội bộ mà không thể hiện kích thước chiều rộng con đường. Theo hồ sơ kỹ thuật thửa đất ngày 12/10/2005 có xác nhận của Phòng Tài nguyên Môi trường và chủ sử dụng đất thì cạnh giáp đường đất 4m (nay là đường Thuận Giao 33) có tổng chiều dài 51,82m, cạnh giáp đường nội bộ từ đường đất 4m cập theo đất ông Ch đi vào đất ông Phạm Văn Tiếng dài 32,58m, chiều dài từ đoạn gấp khúc kéo theo đường nội bộ đến giáp đất ông Tiếng là 13,55m và cạnh giáp đất ông Phạm Văn Tiếng đến điểm giao với đất ông Tư Sao dài 22,98m, đường nội bộ không thể hiện chiều rộng con đường. Các số liệu này thống nhất, không thay đổi từ thời điểm đo đạc để xác định mốc giới ngày 20/7/2003 đến ngày 05/12/2006 (ngày ông Ch đăng ký tách 02 thửa 113 và 67 thành 02 GCNQSDĐ mới, đồng thời sửa lại tên từ Phan Văn Chiêu thành Phan Văn Ch) và đến ngày 09/02/2007 ông Ch, bà B được UBND huyện Thuận An (nay là thị xã TA) cấp GCNQSDĐ số H00798/TG đối với thửa đất số 67 tờ bản đồ 12 (B1) diện tích 4.103m².

Đối với phần đất của bà Đỗ Thị Kim X, ông Nguyễn Thanh Ng thuộc thửa đất số 68 tờ bản đồ 12(B1) tại phường TG, thị xã TA có diện tích 1.410m² có nguồn gốc được tặng cho từ bà Phan Thị Căn vào ngày 10/10/2007. Bà Xuyên và ông Ngọc đã được UBND huyện Thuận An cấp GCNQSDĐ số H01219/TG vào ngày 11/12/2007. Theo hồ sơ thể hiện thửa đất này được UBND huyện Thuận An cấp GCNQSDĐ lần đầu số H01009/TG ngày 07/9/2007 cho bà Phan Thị Căn, tứ cận hướng bắc giáp đất ông Tư Sao, ông Phan Văn Ch, hướng nam hướng tây giáp đất bà Chư, hướng đông, đông nam giáp đất bà Chư và đường nội bộ chiều rộng 3m. Năm 2010, do vị trí đường đất 3m vào vị trí đất vẽ trên sơ đồ sai so với vị trí thực tế nên bà Xuyên, ông Ngọc lập thủ tục đề nghị cấp lại, cấp đổi GCNQSDĐ

nên được UBND huyện Thuận An cấp lại GCNQSDĐ số CH00088/TG ngày 19/4/2010 cho bà Xuyên, ông Ngọc với diện tích tăng lên từ 1.410m² thành 1.442m² (cạnh tiếp giáp đất ông Ch, bà B và đường đất nội bộ tăng từ 22.98m lên 26.13m).

Kết quả xem xét thẩm định tại chỗ, kiểm tra đo đạc thực tế theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 22/8/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương thể hiện: Phần đất ông Ch, bà B đoạn giáp đường 4m (đường Thuận Giao 33) từ phần giáp đất bà Phan Thị Sương đến trụ sắt tiếp giáp đường nội bộ có chiều dài 54,05m; đoạn đường đất từ trụ sắt tiếp giáp đường Thuận Giao 33 kéo theo hàng rào lưới B40 cập theo ranh đất ông Ch đến trụ bê tông tại đoạn gấp khúc có chiều dài 31,90m; từ đoạn gấp khúc cập theo hàng rào lưới B40 của gia đình bà B đến giáp đất bà Xuyên, ông Ngọc dài 12,20m và đoạn từ ranh đất bà B, ông Ch đến điểm tiếp giáp đất ông Tư Sao có chiều dài 24,50m. Ngoài ra, phần chiều rộng con đường nội bộ từ hàng rào lưới B40 kéo sang trụ mốc địa chính tiếp giáp đất bà Xuyên, bà D rộng 1,67m; từ cây lồng mức lớn nhất kéo sang hàng rào lưới B40 của gia đình bà B, ông Ch rộng 2m.

Đối chiếu với hồ sơ cấp GCNQSDĐ, biên bản xem xét thẩm định tại chỗ của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương ngày 22/8/2019 có căn cứ xác định các bên đã xác định ranh đất khi được cấp GCNQSDĐ, theo đó con đường nội bộ có chiều rộng 3m, chính là con đường mà bà B đã xây các trụ bê tông và hàng rào mà không tồn tại con đường nào khác.

Với các tài liệu chứng cứ nêu trên, xét thấy việc xây dựng hàng rào của gia đình bà B lấn chiếm con đường nội bộ đã được xác định trên GCNQSDĐ của bà B, ông Ch cũng như GCNQSDĐ của bà Xuyên, ông Ngọc, vi phạm quy định của pháp luật đất đai tại khoản 4 Điều 12 Luật Đất đai năm 2013 và vi phạm khoản 2 Điều 11 Nghị định số 102/2014/NĐ-CP ngày 10/11/2014 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai. Ngày 24/9/2018 Chủ tịch UBND thị xã TA ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 6023/QĐ-XPVPHC xử phạt bà Nguyễn Thị B hành vi làm hàng rào gây cản trở việc sử dụng đất của người khác theo quy định tại khoản 2 Điều 11 Nghị định số 102/2014/NĐ-CP ngày 10/11/2014 số tiền 17.500.000 đồng và buộc bà B khôi phục lại tình trạng của đất trước khi vi phạm là đúng quy định của pháp luật.

Từ các phân tích trên xét thấy, yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị B về việc hủy Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 6023/QĐ-UBND ngày 24/9/2018 của Chủ tịch UBND thị xã TA là không có cơ sở nên không được chấp nhận. Án sơ thẩm đã tuyên xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà B là có căn cứ.

[3] Về yêu cầu kháng cáo:

Theo nội dung đơn kháng cáo ngày 09/11/2019 của bà Nguyễn Thị B, ông Phan Văn Ch và ngày 22/11/2019 của ông Phan Văn Th cùng với ý kiến của đại diện theo ủy quyền của ông Phan Văn Ch tại phiên tòa phúc thẩm đều yêu cầu xem xét lại toàn bộ bản án sơ thẩm, chấp nhận các yêu cầu khởi kiện của bà B.

Qua đơn trình bày của người đại diện theo ủy quyền cho bà B và các ý kiến tranh luận tại phiên tòa của đại diện theo ủy quyền của ông Phan Văn Ch về yêu cầu kháng cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Quá trình tiến hành thủ tục lập Biên bản vi phạm hành chính sau đó tiến hành kiểm tra và ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính 6023 đối với hành vi tổ chức thi công hàng rào bằng trụ bê tông trên phần đường nội bộ 3m được thể hiện trên GCNQSDĐ số H00798/TG do UBND huyện Thuận An cấp ngày 09/02/2007, biến động ngày 10/4/2015, diện tích 4.103m² và GCNQSDĐ số CH00088/TG do UBND huyện Thuận An cấp ngày 19/4/2010, biến động ngày 28/3/2016, diện tích 1.442m² của bà Nguyễn Thị B do UBND phường TG thực hiện và Chủ tịch UBND thị xã TA thì người vi phạm cố tình vắng mặt không ký biên bản nên UBND phường TG lập biên bản có sự chứng kiến của ông Trần Văn Đ là Phó ban điều hành khu phố Hòa Lân 1 và bà Phan Thị D là đúng quy định tại Điều 58 Luật Xử lý vi phạm hành chính. Các biên bản bàn giao biên bản vi phạm hành chính ngày 20/9/2018, biên bản bàn giao ngày 05/10/2018 do UBND phường TG lập thể hiện UBND phường TG đã tiến hành bàn giao biên bản vi phạm hành chính, Quyết định số 6023/QĐ-XPVPHC ngày 24/9/2018 cho bà B nhưng bà B không ký nhận nên UBND phường TG đã ghi nhận vào biên bản và tiến hành niêm yết cho bà B theo đúng quy định tại Điều 58 Luật Xử lý vi phạm hành chính. Việc bà B không ký biên bản vi phạm, từ chối nhận biên bản là tự từ bỏ quyền giải trình của người vi phạm cho người có thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính theo quy định tại Điều 64 Luật Xử lý vi phạm hành chính nên ý kiến kháng cáo cho rằng UBND phường TG giả mạo các biên bản vi phạm, biên bản kiểm tra và bà B không được quyền giải trình đối với các thủ tục trên là không có cơ sở.

Đối với ý kiến kháng cáo cho rằng bà B không thi công hàng rào mà người thi công là ông Phan Văn Th (con trai bà B) do bà B, ông Ch đã tặng cho quyền sử dụng đất cho ông Phan Văn Th vào năm 2017 nên xử phạt bà B là không đúng đối tượng – qua kiểm tra các tài liệu thu thập được xét thấy đến thời điểm UBND phường TG lập biên bản vi phạm và UBND thị xã TA ban hành Quyết định xử phạt vi phạm đối với bà B thì người sử dụng đất của thửa đất số 67 tờ bản đồ 12 (B1) theo GCNQSDĐ số H00798/TG do UBND huyện Thuận An cấp ngày 09/02/2007 biến động ngày 10/4/2015 vẫn là bà Nguyễn Thị B, ông Phan Văn Ch; bà B không cung cấp được chứng cứ nào về việc đã chuyển nhượng, tặng cho đất cho ông Phan Văn Thắng. Người làm chứng bà Phan Thị D, ông Trần Văn Đ cũng xác nhận việc gia đình bà B thực hiện xây hàng rào lưới B40 và có ký tên chứng kiến vào biên bản vi phạm hành chính do UBND phường TG lập. Do đó, Chủ tịch UBND thị xã TA ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với cá nhân được công nhận quyền sử dụng đất là phù hợp quy định tại khoản 6 Điều 7 Luật Đất đai năm 2013.

Ngoài ra, về thủ tục tố tụng, ý kiến kháng cáo và đại diện theo ủy quyền của ông Phan Văn Ch cho rằng UBND thị xã TA đã ban hành quyết định sai thẩm quyền do bà Xuyến và ông Ngọc khiếu nại việc xây hàng rào bằng trụ bê tông trên

đường nội bộ gây cản trở lối đi là tranh chấp dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, sau khi các ông bà này khiếu nại và hòa giải không thành đã khởi kiện đến tòa án. Tòa án không triệu tập người có liên quan đến việc sử dụng lối đi nội bộ là ông Phạm Văn Tiến và bà Thảo vợ ông Thắng là vi phạm tố tụng. Tuy nhiên, qua kiểm tra xác định Tòa án vẫn chưa thụ lý đơn kiện nào của bà Xuyên và ông Ngọc đối với tranh chấp về lối đi chung với bà B ông Ch. Đồng thời, hành vi của bà B đã vi phạm trách nhiệm của người sử dụng đất theo khoản 4 Điều 12 Luật đất đai, trong khi Quyết định xử phạt vi phạm hành chính 6023 đã căn cứ vào quy định của khoản 3 Điều 23, Điều 208 Luật Đất đai về thẩm quyền, trách nhiệm của Chủ tịch UBND các cấp trong việc phát hiện, ngăn chặn và xử lý vi phạm pháp luật về quản lý và sử dụng đất đai và thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính theo Luật xử lý vi phạm hành chính để xử phạt các vi phạm bị phát hiện thì vẫn đúng thẩm quyền. Xét ông Tiến, bà Thảo không liên quan đến nội dung khởi kiện nên cấp sơ thẩm không triệu tập các đương sự này là đúng.

Xét các ông bà có yêu cầu kháng cáo nhưng không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ nào mới so với giai đoạn xét xử sơ thẩm. Về nội dung vụ án như nhận định trên thì yêu cầu khởi kiện của bà B là không có cơ sở. Do án sơ thẩm đã xét xử có căn cứ, đúng quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử thống nhất theo đề nghị của Kiểm sát viên, không chấp nhận các yêu cầu kháng cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Do kháng cáo không được chấp nhận nên những người kháng cáo phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định. Đối với bà B và ông Ch là người cao tuổi nên được miễn án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính.

Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị B, ông Phan Văn Ch và ông Phan Văn Thắng, giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm số 29/2019/HC-ST ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

Áp dụng:

Điều 30, 32, 116, Điều 225 Luật Tố tụng hành chính.

Khoản 6 Điều 7, khoản 4 Điều 12, khoản 3 Điều 23, Điều 208 Luật Đất đai 2003.

Điểm a khoản 1 Điều 6, khoản 4 Điều 23, Điều 28, 29, 59, khoản 1 Điều 66, Điều 68 Luật Xử lý vi phạm hành chính;

Khoản 2 và điểm b khoản 3 Điều 11 Nghị định 102/2014/NĐ-CP ngày 10/11/2014 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai.

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị B đối với Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã TA, tỉnh Bình Dương về yêu cầu hủy Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 6023/QĐ-XPVPHC ngày 24/9/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã TA.

2. Án phí hành chính phúc thẩm: bà Nguyễn Thị B, ông Phan Văn Ch được miễn nộp. Ông Phan Văn Th phải chịu là 300.000 đồng, được khấu trừ số tiền 300.000 đồng đã nộp tại biên lai thu số 0027200 ngày 05/12/2019 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Bình Dương.

Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Mười

Phạm Thị Duyên

Nguyễn Thị Thụy Vũ

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- TAND tỉnh Bình Dương;
- Cục THADS tỉnh Bình Dương;
- Đương sự;
- Lưu HS, VT.

Nguyễn Thị Thụy Vũ

